

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NINH BÌNH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
NINH BÌNH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 364/BC-PLNB

Ninh Bình, ngày 14 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty cổ phần Phân lân Ninh Bình
Năm báo cáo: 2018

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG:

1.1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Phân lân Ninh Bình
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2700224471
- Vốn điều lệ: 157.312.600.000 đồng
- Địa chỉ: Xã Ninh An - huyện Hoa Lư - tỉnh Ninh Bình
- Số điện thoại: 0229.3610024; 3610863; - Số fax: 0229.3610013
- Website: Niferco.com.vn; - Mã cổ phiếu: NFC

1.2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Phân lân Ninh Bình có tiền thân là Nhà máy Phân lân Ninh Bình được thành lập từ ngày 01 tháng 8 năm 1977, trực thuộc Tổng cục Hoá chất Việt Nam trước đây, nay là Tập đoàn Hoá chất Việt Nam.

Ngày 29/7/2004 Bộ Công nghiệp có quyết định số 66/2004/QĐ-BCN về việc chuyển đổi Công ty Phân lân Ninh Bình thành Công ty cổ phần Phân lân Ninh Bình; trong đó cổ đông nhà nước (Tổng công ty Hoá chất Việt Nam) nắm giữ cổ phần chi phối 51% vốn điều lệ của Công ty và Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần hoạt động theo luật Doanh nghiệp kể từ ngày 01/01/2005.

Từ năm 2005 đến nay Công ty cổ phần Phân lân Ninh Bình với hoạt động tích cực của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty, đội ngũ CBCNV lao động đã đoàn kết, phát huy tiềm năng nội lực sẵn có của Công ty, khắc phục những khó khăn thách thức trong sản xuất kinh doanh hàng năm. Công ty tổ chức

triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch xuất khẩu doanh đề ra với các chỉ tiêu thực hiện năm sau cao hơn năm trước, có mức tăng trưởng ổn định, sản xuất kinh doanh có lãi, thực hiện tốt mọi nghĩa vụ với nhà nước, đảm bảo việc làm thường xuyên, thu nhập cho Cán bộ công nhân viên lao động, các chế độ chính sách có liên quan đến người lao động theo quy định luôn được cải thiện và nâng cao; đảm bảo chia cổ tức cho các cổ đông hàng năm. Công ty luôn tạo sự đồng thuận và thống nhất cao trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị, không ngừng củng cố và xây dựng Công ty phát triển bền vững

1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

- + Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- + Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- + Sản xuất máy chuyên dụng khác (Chi tiết: Sản xuất, gia công, chế tạo thiết bị máy sản xuất phân lân nung chảy);
- + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các loại phân bón);
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- + Bốc xếp hàng hóa;
- + Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Bán buôn các loại phân bón).

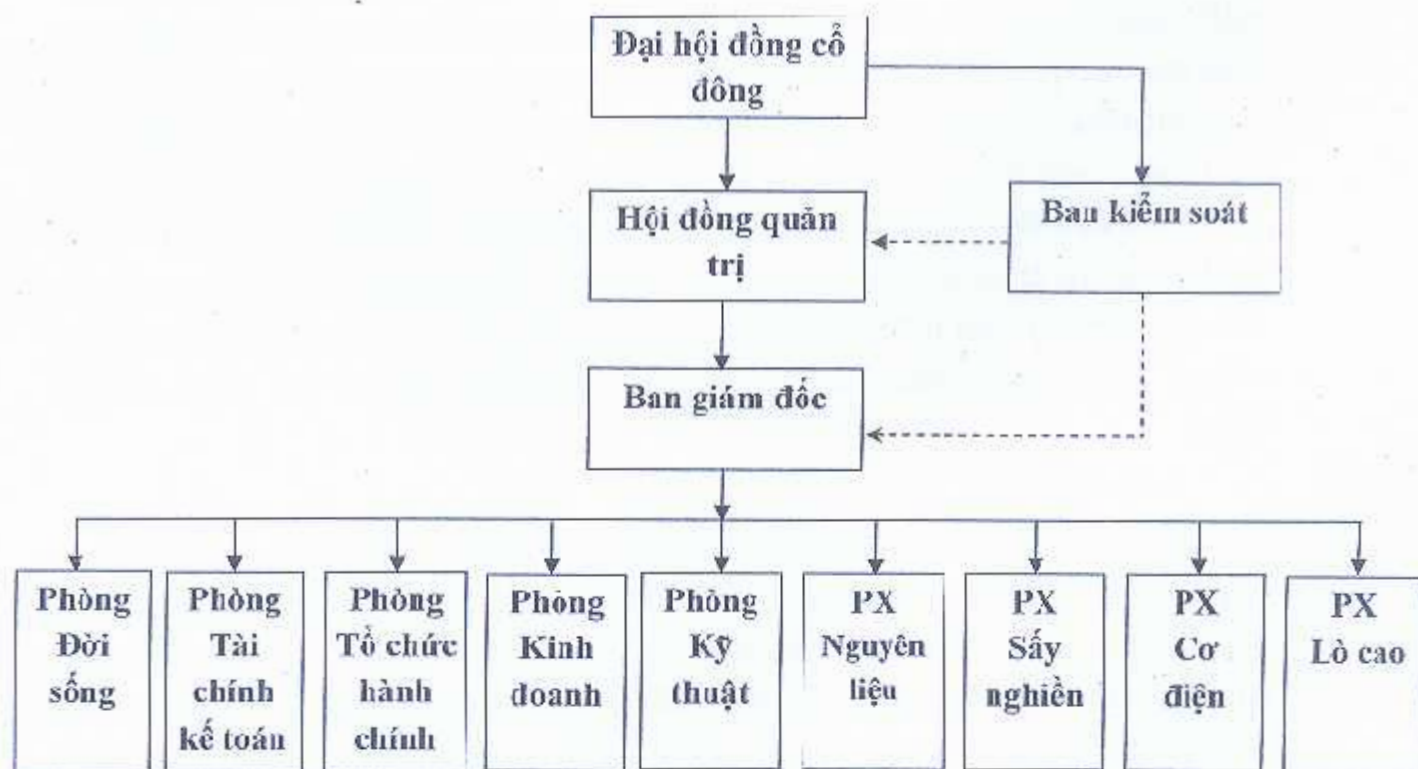
- Địa bàn kinh doanh: Sản phẩm Phân lân nung chảy Ninh Bình, Phân NPK Ninh Bình đã được sản xuất và lưu thông trên thị trường phục vụ cho sản xuất nông nghiệp trong cả nước và xuất khẩu ra nước ngoài.

1.4. Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh, bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, cùng với việc tuân thủ các quy định về pháp luật của nhà nước, Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình có bộ máy quản lý và điều hành sau đây:

- + Đại hội đồng cổ đông.
- + Ban kiểm soát.
- + Hội đồng quản trị.
- + Giám đốc, các Phó Giám đốc và bộ máy giúp việc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

1.5. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông đầu tư vào Công ty, hoàn thành các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

+ Tối đa hóa hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty;

+ Tiếp tục phát huy, mở rộng thị trường và nâng cao uy tín của Công ty;

- Chiến lược phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn:

+ Chuyên nghiệp và năng động, Công ty đang khẳng định vị trí quan trọng trên thị trường sản xuất phân bón.

+ Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chế độ trách nhiệm, ban hành cơ chế điều hành, cơ chế phân phối lợi ích và hoạt động của Công ty để nâng cao trách nhiệm, khuyến khích người lao động và cổ đông đóng góp, góp phần xây dựng công ty ngày càng phát triển bền vững.

+ Tăng cường đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ Cán bộ, Công nhân viên Công ty.

+ Thực hiện các chính sách ưu đãi tốt nhằm thu hút nhân tài.

+ Nghiên cứu, phát triển công nghệ sản xuất các sản phẩm mới theo nhu cầu của thị trường, hướng tới mở rộng xuất khẩu ra nước ngoài.

- Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Trong định hướng phát triển của mình, Công ty luôn hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Không chỉ đặt lợi nhuận lên hàng đầu, Công ty phải gắn liền trách nhiệm với môi trường, xã hội, đảm bảo rằng những hoạt động của Công ty tuân thủ theo pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội cũng như quan tâm đến lợi ích cộng đồng. Công ty tự đặt ra trách nhiệm đối với Cán bộ, công nhân viên, dân cư xung quanh nhà máy, môi trường sản xuất, môi trường thiên nhiên. Công ty luôn quan tâm đến việc đầu tư và cải tiến trang thiết bị, kỹ thuật nhằm bảo vệ môi trường, tạo ra phúc lợi cho cộng đồng. Những đầu tư về khoa học kỹ thuật tiên tiến của Công ty vừa trực tiếp giữ gìn môi trường lao động sản xuất, giữ gìn môi trường xung quanh, mang lại lợi ích cho cộng đồng dân cư nơi Công ty hoạt động.

- Các rủi ro:

Công ty cổ phần Phân lân Ninh Bình hoạt động trong lĩnh vực chính là sản xuất phân Lân nung chảy và phân NPK. Với đặc thù hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực trên, Công ty có thể phải đối mặt với những rủi ro về lạm phát, rủi ro về lãi suất, rủi ro về thị trường tiêu thụ phân bón, rủi ro về giá cả. Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty. Ngoài ra, sự thay đổi của chính sách tiền tệ, cơ chế thanh toán, phí, lãi vay và các điều kiện ràng buộc của ngân hàng, khe bạc Nhà nước cũng tạo nên các rủi ro bất khả kháng cho doanh nghiệp.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

2.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

2.1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018:

- Giá trị SXCN: theo giá cố định 94: 135,633 tỷ đồng; theo giá thực tế: 587,972 tỷ đồng.

- Sản lượng sản phẩm sản xuất chủ yếu:

+ Phân lân nung chảy: 179.000 tấn. Trong đó phân lân thương phẩm đạt: 167.000 tấn.

+ Phân NPK đa dinh dưỡng đạt: 33.000 tấn.

- Doanh thu thuần về bán hàng: 573,7 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 25,076 tỷ đồng.

- Nộp ngân sách: 12,2 tỷ đồng.

- Đầu tư XD CB: 0,7 tỷ đồng.

- Năm 2018, Chia cổ tức số còn năm 2017 bằng tiền mặt theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty: 7% Vốn điều lệ, thành

tiền là: 11.011.882.000 đồng. Tạm ứng cổ tức năm 2018: 8% Vốn điều lệ, thành tiền là: 12.585.008.000 đồng.

Năm 2018, thị trường phân bón diễn ra sự cạnh tranh khá mạnh, tiềm ẩn nhiều rủi ro ảnh hưởng đến thị trường, thị phần của Công ty. Công ty phải luôn tìm cách nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm để giữ vững và gia tăng thị phần. Trên cơ sở đó Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, tăng cường công tác quản lý, bám sát các mục tiêu kế hoạch đã đề ra; đồng thời xây dựng và điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế và mang tính thiết thực.

2.1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

- Giá trị SXCN đạt:

+ Theo giá cố định 94: 135,633 tỷ đồng, bằng 103% so với cùng kỳ và bằng 103% kế hoạch năm 2018.

+ Theo giá thực tế: 587,972 tỷ đồng, bằng 102% so với cùng kỳ và bằng 102% kế hoạch năm 2018.

- Doanh thu thuần về bán hàng: 573,7 tỷ đồng, bằng 102% so với cùng kỳ và bằng 102% kế hoạch năm 2018.

- Lợi nhuận trước thuế: 25,076 tỷ đồng, bằng 100,2% so với cùng kỳ và bằng 100,3% kế hoạch năm 2018.

- Nộp ngân sách: 12,2 tỷ đồng.

- Sản lượng sản phẩm sản xuất chủ yếu:

+ Phân lân nung chảy: 179.000 tấn, bằng 105% so với cùng kỳ và bằng 103% kế hoạch năm 2018 (Trong đó phân lân thương phẩm đạt: 167.000 tấn, bằng 115% so với cùng kỳ và bằng 106% kế hoạch năm 2018)

+ Phân NPK đa dinh dưỡng đạt: 33.000 tấn, bằng 73% so với cùng kỳ và bằng 84,6% kế hoạch năm 2018.

2.1.3. Thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty:

* Thuận lợi:

- Luôn được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của lãnh đạo Tập đoàn Hoá chất Việt Nam về thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Có sự thống nhất cao trong lãnh đạo và đội ngũ Cán bộ, công nhân lao động trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ đã đề ra.

- Công ty có sự giúp đỡ của các bạn hàng truyền thống trong việc cung ứng vật tư nguyên, nhiên liệu đầu vào cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hàng hoá.

- Thương hiệu sản phẩm phân Lân Ninh Bình, phân NPK đa dinh dưỡng Ninh Bình đã được khẳng định trên thị trường trong nước cũng như sản phẩm xuất khẩu ra nước ngoài.

* Khó khăn

- Giá bán giảm: Sự ra đời của các nhà cung cấp phân lân nung chảy mới, sự cạnh tranh giữa các Công ty sản xuất phân bón ngày càng tăng, thị trường phân bón diễn ra sự cạnh tranh giảm giá bán để tiêu thụ sản phẩm.

- Giá nông sản giảm đặc biệt giá cao su, cà phê, hồ tiêu giảm dẫn đến nhu cầu sử dụng phân lân nung chảy giảm.

- Giá than tăng mạnh, đầu vào sản xuất phân lân được cung cấp bởi các nhà cung cấp độc quyền, đầu ra phải theo thị trường.

- Tình hình vận chuyển đường bộ gặp nhiều khó khăn, nhu cầu vận chuyển đường sắt và đường thủy tăng không đáp ứng được hết nhu cầu vận chuyển hàng hóa của Công ty khi vào vụ tiêu thụ; Chi phí vận chuyển tăng cao.

- Sản lượng tiêu thụ phân NPK giảm:

+ Do thay đổi tập quán canh tác từ cây sang gico sạ nên lượng phân bón NPK sử dụng giảm.

+ Sự ra đời của các nhà cung cấp phân bón mới, sự cạnh tranh giữa các Công ty sản xuất phân bón ngày càng tăng; Nạn phân bón giả kém chất lượng làm ảnh hưởng đến thị trường phân bón; Các cơ sở sản xuất phân bón nhỏ lẻ kém chất lượng bán giá rẻ làm ảnh hưởng đến các Công ty sản xuất phân bón lớn.

2.2. Tổ chức và nhân sự:

2.2.1. Danh sách Ban điều hành, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- Ông: Phạm Mạnh Ninh, sinh năm 1966, Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh. Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 10,0%.

- Ông: Phạm Hồng Sơn, sinh năm 1972, Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc công ty, Kỹ sư chế tạo máy, cử nhân quản trị kinh doanh. Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 1,28%

- Ông: Nguyễn Ngọc Chi, sinh năm 1968, Phó Giám đốc Công ty, Kỹ sư hóa vô cơ phân bón. Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0,27%

- Ông: Dương Như Đức, sinh năm 1980, Phó Giám đốc Công ty. Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng. Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0,02%

- Ông: Nguyễn Ngọc Thuận, sinh năm 1981, Phụ trách Kế toán Công ty. Cử nhân Kinh tế. Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0,016%

2.2.2. Những thay đổi trong ban điều hành: không

2.2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Tổng số cán bộ, CNV lao động đến ngày 31/12/2018 là 304 người có hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên, trong đó có 67 lao động nữ chiếm 22% tổng số lao động toàn Công ty.

- Cán bộ, Công nhân viên có trình độ Đại học và trên đại học là: 63 người; trình độ Cao đẳng: 27 người; trình độ Trung cấp: 57 người, còn lại là Công nhân kỹ thuật.

2.2.4. Chính sách đối với người lao động:

- Chế độ làm việc:

+ Cán bộ, Công nhân viên của Công ty được quy định làm việc 8 giờ/ngày, 40 đến 48 giờ trong một tuần. Đối với CBCNV thuộc diện lao động quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ ở văn phòng làm việc theo giờ hành chính: sáng: 7h đến 11h30, chiều: 13h đến 16h30. Đối với lao động trực tiếp làm việc theo chế độ 3 ca khép kín: Ca 1: 7h đến 15h, Ca 2: 15h đến 23h, Ca 3: 23h đến 7h sáng hôm sau.

+ CBCNV được nghỉ làm và hưởng lương theo cấp bậc trong những ngày nghỉ lễ tết theo quy định của nhà nước như tết Dương lịch, Tết Âm lịch, ngày Giỗ tổ Hùng Vương, ngày Chiến thắng, ngày Quốc tế lao động, ngày Quốc khánh. Công ty luôn tạo điều kiện tốt nhất cho cán bộ, công nhân viên làm việc, cụ thể như: trang bị đầy đủ trang thiết bị để làm việc, áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật để cải thiện tốt hơn điều kiện làm việc, tăng năng suất lao động. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.

- Chính sách lương và thưởng:

+ Chính sách lương: Đối với các CBCNV làm việc trực tiếp sản xuất được hưởng tiền lương theo khoán sản phẩm, khoán công việc theo đơn giá định mức lao động của Công ty hàng năm và từng thời điểm. Đối với CBCNV làm việc gián tiếp hưởng theo lương thời gian ngày công làm việc thực tế trong tháng và theo năng suất lao động bình quân hàng tháng của toàn Công ty, ứng với hệ số phân phối được hưởng theo các chức danh quản lý, làm việc tại quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng, phân loại thi đua của Công ty hàng năm để thực hiện.

+ Chính sách thưởng: Công ty thực hiện chính sách lương, thưởng, phúc lợi nhằm động viên và thu hút lao động có kiến thức phù hợp đã được đào tạo vào làm việc tại Công ty. Công ty áp dụng chính sách thưởng cho CBCNV bằng quỹ tiền lương của Công ty theo bình xét thi đua đơn vị, cá nhân hàng tháng. Ngoài ra công ty còn thưởng cho CBCNV lao động có các đề tài khoa học sáng kiến tiết kiệm mang lại giá trị làm lợi kinh tế cho Công ty, thông qua việc xét các đề tài đã được đăng ký và áp dụng thực hiện hàng năm. Ngoài ra Công ty còn trích các quỹ phúc lợi, thi đua khen thưởng để thưởng cho CBCNV vào các ngày Lễ, tết trong năm.

- Các chính sách khác với người lao động: Để đào tạo và thu hút nhân tài Công ty còn áp dụng các chính sách với người lao động như chính sách đào tạo, chính sách tuyển dụng, chính sách thu hút nhân tài cũng như việc áp dụng các chế độ hưu trí, trợ cấp và đóng bảo hiểm xã đúng theo quy định của luật Lao động

2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

2.3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện đầu tư 01 hạng mục Máy xúc lật gầu 1,7 m3 với tổng giá trị đầu tư là 0,7 tỷ đồng đáp ứng kịp thời yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty và cải thiện môi trường làm việc cho người lao động.

2.3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

2.4. Tình hình tài chính:

2.4.1. Tình hình tài chính

EVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	% 2018 so với 2017
Tổng giá trị tài sản	310.148.291.393	271.239.261.294	114,3
Doanh thu thuần	573.713.300.456	563.011.281.212	101,9
Lợi nhuận từ hoạt động KD	23.636.572.292	23.397.053.358	101,0
Lợi nhuận khác	1.439.663.355	1.640.775.062	87,7
Lợi nhuận trước thuế	25.076.235.647	25.037.828.420	100,2
Lợi nhuận sau thuế	20.291.469.426	19.690.674.496	103,1
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ túc/Vốn điều lệ	12%	12%	100,0

2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: $\frac{\text{TSLĐ/Nợ ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	2,31	3,01	
+ Hệ số thanh toán nhanh: $\frac{\text{TSLĐ - Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	0,54	0,97	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,42	0,31	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,71	0,45	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:			
+ Vòng quay hàng tồn kho: $\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$	2,41	2,83	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,85	2,08	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,035	0,035	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,112	0,106	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,065	0,073	
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,041	0,042	

2.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

2.5.1. Cổ phần:

- Tổng số sở phần: 15.731.260 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.

2.5.2. Cơ cấu cổ đông (theo danh sách cổ đông ngày 17/12/2018):

- Tổng số cổ phần: 15.731.260 cổ phần; cổ phần phổ thông chuyên nhượng tự do: 15.731.260 cổ phần. Trong đó:

- Cổ đông lớn nắm giữ trên 5% cổ phần có quyền biểu quyết: 3 cổ đông nắm giữ 11.298.309 cổ phần chiếm: 71,82% vốn điều lệ.

- Cổ đông nắm giữ từ 1%-5% cổ phần có quyền biểu quyết: 5 cổ đông nắm giữ: 1.051.241 cổ phần, chiếm 6,68% Vốn điều lệ.

- Cổ đông nắm giữ dưới 1% phần có quyền biểu quyết: 268 cổ đông, nắm giữ: 3.381.710 cổ phần, chiếm 21,5% Vốn điều lệ.

- Số lượng cổ đông tổ chức: 04, nắm giữ: 9.728.659 cổ phần, chiếm 61,84% Vốn điều lệ.

- Số lượng cổ đông cá nhân: 264, nắm giữ: 6.002.601 cổ phần, chiếm 38,16% Vốn điều lệ.

- Số lượng cổ đông trong nước: 267, nắm giữ: 15.727.860 cổ phần, chiếm 99,98% Vốn điều lệ.

2.5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

2.5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có.

2.5.5. Các chứng khoán khác: Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

3.1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh: Như mục 2.1.

3.1.2. Công tác khoa học kỹ thuật, sáng kiến tiết kiệm và đầu tư xây dựng cơ bản trong năm 2018.

Ngay từ đầu năm Ban giám đốc đã tập trung triển khai các giải pháp quản lý để tổ chức thực hiện công tác khoa học kỹ thuật, đặc biệt quan tâm đến công nghệ sản xuất, chất lượng sản phẩm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và môi trường.

- Tiếp tục thực hiện và điều chỉnh công nghệ sản xuất NPK đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

- Hoàn thiện thiết bị đóng bao lần thỏa mãn yêu cầu của khách hàng, giảm hao hụt, tăng sản lượng sản xuất về tiêu thụ.

- Quản lý định mức quặng Apatit, Than ôn định chất lượng định mức quặng sản xuất tại lò cao, quản lý than đảm bảo định mức.

- Thực hiện đề án môi trường, giảm tiêu hao than đảm bảo môi trường.

- Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện 15 đề tài sáng kiến cải tiến kỹ thuật tiết kiệm, đã góp phần tích cực trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, trong đó với 8 đề tài tính được trực tiếp bằng tiền với số tiền làm lợi 3,48 tỷ đồng.

- Thu hồi triệt để các chất thải rắn để bổ sung nguồn nguyên liệu tái chế sản xuất, thực hành tiết kiệm vật tư, nguyên nhiên liệu, năng lượng trong chi phí sản xuất.

- Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục Công nhân lao động về ý thức chấp hành các quy trình quy phạm an toàn trong sản xuất. Tổ chức tập huấn về an toàn lao động với 100% Công nhân lao động học an toàn.

3.1.3. Công tác kế hoạch thị trường.

Trong năm 2018, Ban Giám đốc Công ty đã tập trung trong việc chỉ đạo đơn vị bám sát vào nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để tổ chức triển khai thị trường tiêu thụ sản phẩm. Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng quý để thực hiện, giữ vững thị trường truyền thống, đầu tư khai thác mở rộng thị trường mới để tiêu thụ sản phẩm trong năm đáp ứng được yêu cầu đề ra.

- Duy trì bán hàng thông qua hệ thống đại lý, phối hợp với các đại lý, mở thêm các đại lý mới giữ vững và phát triển thị trường.

- Đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm xuất khẩu sang thị trường nước ngoài như thị trường Úc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Malaysia ...

- Tăng cường công tác tiếp thị, quảng cáo giới thiệu sản phẩm của Công ty trên truyền sóng VOV1, VTV1, các đài truyền hình, phát thanh địa phương, các hình thức quảng bá khác.

- Kết hợp với các đại lý cấp 1 tổ chức tập huấn giới thiệu sản phẩm đến các xã khu vực phía Bắc, khu vực miền Trung và công tác thị trường tại khu vực đồng bằng Sông Cửu Long để nâng cao uy tín thương hiệu của Công ty.

- Thực hiện việc gắn biển đại lý cấp 2 của Công ty cho các đại lý cấp 2.

- Tổ chức hội nghị khách hàng tạo sự gắn kết giữa nhà sản xuất và nhà phân phối sản phẩm.

- Công tác phát triển thương hiệu: triển khai đưa vào áp dụng bộ nhận diện thương hiệu của Công ty.

- Tổ chức việc thu mua vật tư, nguyên nhiên liệu đầu vào cho sản xuất đảm bảo kế hoạch sản xuất, dự trữ nguyên liệu sản xuất ở mức hợp lý giảm sức ép về tài chính; quản lý kho tàng vật tư hàng hoá đảm bảo phục vụ sản xuất kịp thời.

3.1.4. Công tác quản lý tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đã chỉ đạo thực hiện về công tác quản lý tài chính của Công ty, cơ bản khắc phục được những khó khăn về lĩnh vực tài chính.

- Quản lý tài sản, nguồn vốn của Công ty thu chi tài chính đúng quy định.

- Quản lý, giám sát việc bán hàng, theo dõi đối chiếu công nợ, đơn đốc nợ đến hạn, xử lý nợ quá hạn; bố trí đủ vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Giám sát, quản lý chặt chẽ việc nhập kho, xuất kho và tồn kho vật tư, công cụ dụng cụ và thành phẩm của Công ty.

- Thực hiện việc báo cáo quản trị tháng đáp ứng việc cung cấp thông tin cho Ban Giám đốc trong việc chỉ đạo và điều hành sản xuất.

- Chi trả tiền lương, thưởng cho cán bộ CN lao động, cổ tức cho các cổ đông theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 đầy đủ kịp thời.

- Thực hiện việc đóng góp thuế với Nhà nước đầy đủ và kịp thời theo quy định hiện hành.

3.1.5. Công tác TCHC, lao động tiền lương và thực hiện các chế độ chính sách với người lao động.

Năm 2018, Ban Giám đốc Công ty đã tập trung trong việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác tổ chức cán bộ quản lý, thực hiện việc bổ nhiệm, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ quản lý để đáp ứng với việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Chủ động trong việc tuyển dụng bổ sung nguồn lao động hợp đồng mùa vụ cơ bản đáp ứng đủ lao động làm việc theo kế hoạch sản xuất hàng tháng, hàng quý đề ra.

- Tổng số cán bộ, CNV lao động đến ngày 31/12/2018 là 304 người có hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên, trong đó có 67 lao động nữ chiếm 22% tổng số lao động toàn Công ty.

- Thực hiện công tác chăm lo đời sống tinh thần, vật chất và đảm bảo việc làm thu nhập cho CNV lao động. Các ngày nghỉ lễ, tết được Công ty trích thưởng kịp thời động viên tinh thần cho CBCN lao động.

- Đảm bảo thực hiện mọi chế độ chính sách có liên quan đến người lao động như chế độ BHXH, BHYT, BH thất nghiệp, nghỉ hưu trí, chấm dứt hợp đồng lao động và các quyền lợi khác của người lao động được thực hiện đầy đủ theo qui định của Pháp luật hiện hành.

- Hoàn chỉnh việc xây dựng ban hành sửa đổi Nội quy lao động, Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng, và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty áp dụng thực hiện cho năm 2018 theo quy định.

- Tích cực tham gia đóng góp các quỹ từ thiện tại địa phương và ngành trong năm 2018, số tiền đóng góp là trên 100 triệu đồng.

3.1.6. Công tác an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội trong đơn vị.

Trong năm qua, Ban giám đốc Công ty đã lãnh đạo, chỉ đạo đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ công tác quân sự quốc phòng địa phương và đảm bảo trật tự an toàn xã hội trong Công ty và trên địa bàn.

- Tổ chức huấn luyện quân sự cho lực lượng tự vệ Công ty theo đúng kế hoạch đề ra, đảm bảo chất lượng.

- Xây dựng kế hoạch phòng chống bão lụt, kế hoạch phòng cháy, chữa cháy năm 2018 để thực hiện.

- Tích cực tham gia các cụm an ninh quốc phòng các xã phía Nam huyện Hoa Lư, cụm an ninh trật tự xã hội khu vực Cầu Yên theo quy chế hiện hành.

- Thực hiện tốt việc đóng góp các quỹ an ninh quốc phòng, đảm phụ quốc phòng địa phương theo kế hoạch của huyện.

3.1.7. Thực hiện công tác xây dựng Đảng, Chính quyền, các đoàn thể quần chúng trong sạch, vững mạnh.

Ban Giám đốc Công ty đã tập trung trong việc không ngừng củng cố xây dựng các tổ chức Đảng, Chính quyền, các đoàn thể quần chúng trong đơn vị tăng cường sự đoàn kết nhất trí cao trong nội bộ Đảng, Chính quyền, các đoàn thể quần chúng để khắc phục khó khăn trong tổ chức, lãnh đạo, chỉ đạo cơ sở thực hiện tốt nhiệm vụ Chính trị của Công ty đã đề ra trong năm 2018.

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đảng viên, CBCNV lao động để mỗi người luôn có nhận thức đúng đắn về những thuận lợi, khó khăn của đơn vị, nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi người, chấp hành thực hiện nghiêm mọi cương lĩnh chủ trương của Đảng, chính sách Pháp luật của Nhà nước, chấp hành nội quy, quy chế của Công ty để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh đã tích cực tham gia các hoạt động của Công ty và của tổ chức nhằm góp phần xây dựng Công ty phát triển vững mạnh.

3.1.8. Công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, thực hiện quy chế dân chủ tại cơ sở.

Ban Giám đốc Công ty Công ty đã quán triệt công tác phòng chống tham nhũng lãng phí đến các cương vị liên quan đến kinh tế, sử dụng định mức vật tư trong sản xuất, việc mua sắm vật tư, thiết bị tuân thủ đúng quy chế có chào giá cạnh tranh, có hội đồng lựa chọn nhà cung cấp sau đó mới ký hợp đồng thực hiện, đảm bảo tính minh bạch và tăng cường trong công tác quản lý.

- Công ty đã ban hành quy chế bán hàng, quy chế sáng kiến, quy chế quản lý công nợ, hoàn thiện và ban hành chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban.

- Sắp xếp, bố trí chuyển đổi một số vị trí công tác của cán bộ trong Công ty được thực hiện một cách dân chủ công khai.

- Thực hiện tốt việc quản lý Tài chính, tài sản của Công ty theo đúng quy định không để thất thoát Tài chính đặc biệt là việc thu hồi tiền bán hàng của Công ty trên thị trường toàn quốc.

- Việc kê khai tài sản, thu nhập được thực hiện đầy đủ đúng quy định.

- Về thực hành tiết kiệm: Ban Giám đốc Công ty đã phát động các phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật tiết kiệm các chi phí trong quá trình sản xuất như: quyết toán sử dụng nguyên nhiên liệu chính, vật tư cho sản xuất, đặc biệt là quản lý và quyết toán sử dụng than tại phân xưởng Lò cao; báo cáo quyết toán vật tư hàng tháng theo quy định.

3.1.9. Thực hiện Quy chế dân chủ tại cơ sở và đối thoại định kỳ giữa Giám đốc Công ty với người lao động.

- Ban Giám đốc đã tổ chức đầy đủ, công khai các nội dung liên quan đến việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh và các vấn đề có

liên quan đến tổ chức sản xuất quyền lợi, nghĩa vụ, việc làm đời sống thu nhập của người lao động để người lao động bàn và triển khai thực hiện.

- Thực hiện việc đối thoại định kỳ tại nơi làm việc giữa người sử dụng lao động và đại diện người lao động 03 tháng 1 lần để trao đổi, thảo luận các nội dung mà hai bên quan tâm.

3.1.10. Những khuyết điểm tồn tại:

Trong năm qua bên cạnh những thành tích đã đạt được trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Công ty, tuy vậy còn những mặt tồn tại cần phải khắc phục đó là:

- Chi phí than, điện cho sản xuất phân lân rung chảy còn cao chưa đạt mục tiêu Công ty đề ra.

- Việc kiểm tra, kiểm soát các định mức chi phí chưa được thực hiện thường xuyên, chưa phát hiện được những sai sót, lãng phí và bất hợp lý trong quá trình sử dụng vật tư trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công tác lập báo cáo quản trị doanh nghiệp, phân tích sử dụng lao động hàng tháng còn chậm chưa phản ánh kịp thời với lãnh đạo Công ty để Lãnh đạo Công ty nắm bắt và điều hành kịp thời.

- Việc chấp hành các quy trình quy phạm trong sản xuất chưa thực sự nghiêm túc vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ xảy ra mất an toàn lao động.

- Thực hiện công tác vệ sinh công nghiệp và quản lý về môi trường ở các đơn vị còn chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra.

3.2. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

3.2.1. Tình hình chung

Trong năm 2019 tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn thách thức mới, sự cạnh tranh tiêu thụ sản phẩm phân bón ngày càng gay gắt, giá nông sản thấp, vận tải tiếp tục gặp khó khăn, giá than tăng mạnh đã ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm phân bón của Công ty và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty xác định về phương hướng, mục tiêu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2019 đó là: Duy trì sản xuất ổn định, hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh có tăng trưởng, đáp ứng thỏa mãn nhu cầu cung cấp sản phẩm trên thị trường trong nước và đẩy mạnh sản phẩm xuất khẩu ra nước ngoài; đảm bảo đủ việc làm thường xuyên cho CNV lao động có thu nhập đời sống ổn định; thực hiện tốt và đầy đủ mọi nghĩa vụ nộp thuế với Ngân sách Nhà nước, với cấp trên, với các cổ đông và người lao động; không ngừng củng cố và phát triển sản xuất, xây dựng Công ty phát triển bền vững.

3.2.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019

- Giá trị SXCN: 132,305 tỷ đồng.
- Doanh thu: 580 tỷ đồng.

- Nộp ngân sách: 7,1 tỷ đồng.
- Đầu tư xây dựng cơ bản: 9,8 tỷ đồng.
- Sửa chữa lớn: 3,05 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 25,5 tỷ đồng.
- Cổ tức: $\geq 8\%$ năm.
- Thu nhập bình quân đạt: 7,68 triệu đồng/người/tháng.
- Các sản phẩm sản xuất chủ yếu:
 - + Phân lân nung chảy: 182.000 tấn.
 - Trong đó Lân thương phẩm: 167.000 tấn.
 - + Phân NPK đa dinh dưỡng các loại: 33.000 tấn.
- Sản phẩm tiêu thụ: Lân: 153.000 tấn; NPK: 38.000 tấn.

3.2.3. Các biện pháp thực hiện

- Phát huy tiềm năng, nội lực sẵn có của đơn vị nhằm nâng cao năng lực sản xuất, năng suất thiết bị công nghệ, năng suất lao động, chất lượng sản phẩm hàng hoá, thực hành tiết kiệm để giảm các chi phí sản xuất thấp nhất, tăng sức cạnh tranh sản phẩm phân bón cùng loại trên thị trường trong nước và tiếp tục xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài.

- Tập trung chỉ đạo công tác thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty, duy trì thị trường đã có, khai thác mở rộng thị trường mới, có các chính sách linh hoạt trong công tác thị trường để nâng cao hơn về năng lực tiêu thụ sản phẩm hàng hoá. Tiếp tục tăng cường công tác quảng cáo giới thiệu về sản phẩm của Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Thực hiện tốt các quy định về chức năng nhiệm vụ cho từng phòng ban, phân xưởng sản xuất căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của phòng, phân xưởng mỗi thành viên trong đơn vị có những nhiệm vụ cụ thể để tổ chức thực hiện.

- Có các chính sách khuyến khích khen thưởng kịp thời những cá nhân, đơn vị có nhiều thành tích đóng góp vào các phong trào thi đua của đơn vị mang lại những giá trị kết quả cao đặc biệt là phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật .v.v.

- Thực hiện mọi nghĩa vụ với Nhà nước, với cấp trên, với các cổ đông và các chế độ chính sách có liên quan đến người lao động; đảm bảo đủ việc làm thường xuyên và thu nhập đời sống ổn định để mọi người yên tâm lao động sản xuất, công tác đóng góp tài, lực vào xây dựng Công ty phát triển.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng; thực hiện tiết kiệm chống lãng phí và quy chế dân chủ tại cơ sở bằng cách tuyên truyền, bồi dưỡng, đào tạo, tuyển dụng các cán bộ có đủ năng lực trình độ để bổ nhiệm, luân chuyển ở các cương vị để tăng cường trong công tác quản lý.

3.3. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (không có)

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

4.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2018, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng gặp nhiều khó khăn như: thời tiết khắc nghiệt, rét đậm rét hại phía khu vực phía Bắc, hạn hán khu vực miền trung; giá nông sản giảm đặc biệt là giá cao su; sự cạnh tranh giữa các nhà cung cấp phân bón mới trên thị trường; vận tải hàng hoá khó khăn đặc biệt là vận chuyển tiêu thụ các tỉnh phía Bắc ..., trước những khó khăn thách thức mới, HĐQT Công ty đã xác định rõ và tập trung cao công tác quản trị doanh nghiệp, tăng cường công tác quản lý, bám sát các mục tiêu kế hoạch đã đề ra; đồng thời xây dựng và điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế, mang hiệu quả thiết thực.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn được duy trì ổn định và cơ bản đạt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra:

- Doanh thu thuần về bán hàng: 573,713 tỷ đồng, bằng 102% so với cùng kỳ và bằng 102% kế hoạch năm 2018.

- Lợi nhuận trước thuế đạt: 25,076 tỷ đồng, bằng 100,1% so với cùng kỳ và bằng 100,1% kế hoạch năm 2018.

(Kết quả trên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam thực hiện).

4.2. Đánh giá của Hội đồng QT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Căn cứ vào quyền hạn, nhiệm vụ của HĐQT và Giám đốc quy định trong Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. HĐQT Công ty đã thường xuyên thực hiện công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác. Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Giám đốc năm 2018 như sau:

- Định kỳ hàng quý, HĐQT đã tổ chức kiểm tra giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc về:

- + Tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của HĐQT.

- + Tình hình sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng quý; các giải pháp giữ và phát triển thị trường.

- + Việc thực hiện các bộ định mức vật tư kinh tế kỹ thuật.

- + Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản cố định, sửa chữa lớn.

- + Tình hình tuyển dụng, sử dụng lao động, quản lý lao động ...

Qua kiểm tra giám sát, HĐQT phát hiện những mặt tồn tại để chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu Ban Giám đốc và các đơn vị có liên quan khắc phục kịp thời, nâng cao tinh thần trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được giao.

Nhìn chung, Ban Giám đốc đã luôn bám sát phương hướng, nhiệm vụ được giao, nắm bắt tình hình, kịp thời điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế. Tất cả các hoạt động SXKD của Công ty đều phù hợp theo giấy đăng ký kinh doanh, tuân thủ đúng điều lệ của doanh nghiệp cũng như theo các Quy định của Luật pháp Việt Nam hiện hành. Ban Giám đốc đã nhận thấy rõ

những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã chủ động trong việc điều hành, đồng thời đã ban hành các văn bản nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro, Ban Giám đốc đã chủ động trong việc xây dựng và phát triển kênh phân phối thông qua hệ thống đại lý.

4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

4.3.1. Kế hoạch SXKD năm 2019

- Giá trị SXCN: 132,305 tỷ đồng.
- Doanh thu: 580 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách: 7,1 tỷ đồng.
- Đầu tư xây dựng cơ bản: 9,8 tỷ đồng.
- Sửa chữa lớn: 3,05 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 25,5 tỷ đồng.
- Cổ tức: $\geq 8\%$ năm.
- Thu nhập bình quân đạt: 7,68 triệu đồng/người/tháng.
- Các sản phẩm sản xuất chủ yếu:
 - + Phân lân nung chảy: 182.000 tấn.
 - + Phân NPK đa dinh dưỡng các loại: 33.000 tấn.
- Sản phẩm tiêu thụ: Lân: 153.000 tấn; NPK: 38.000 tấn.

4.3.2. Nhiệm vụ của HĐQT năm 2019

- Giám sát diễn biến thị trường để đưa ra những giải pháp, định hướng phù hợp với tình hình thực tế để chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 đảm bảo an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát hoạt động của Công ty trên các lĩnh vực, nhằm đảm bảo thực hiện có hiệu quả nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019 thông qua.

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm của từng thành viên HĐQT trên các lĩnh vực đã được phân công nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát các mặt hoạt động của Công ty theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý của Công ty; nâng cao năng lực quản trị; chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

- Tập trung chỉ đạo công tác thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty; tăng cường công tác quảng cáo giới thiệu về sản phẩm của Công ty nhằm nâng cao uy tín, thương hiệu của Công ty trên thị trường trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài.

- Tiếp tục chỉ đạo cập nhật, điều chỉnh các quy chế, quy định, quy trình, hệ thống định mức vật tư kinh tế hiện có để phù hợp với tình hình thực tế.

- Chỉ đạo, đánh giá công tác đầu tư, xây dựng cơ bản trước khi triển khai nhằm bảo đảm tính hiệu quả, phát huy tốt việc sử dụng vốn khi thực hiện.

- Quan tâm đến đời sống của người lao động; có cơ chế, chính sách tiền lương phù hợp để đảm bảo thu hút và giữ người lao động; thực hiện tốt quyền lợi của cổ đông như: trả cổ tức, tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông tiếp nhận thông tin và các ý kiến đóng góp xây dựng Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

5.1. Hội đồng quản trị:

5.1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Danh sách, thành phần hội đồng quản trị và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết/Vốn điều lệ:

- | | |
|--|---------------------|
| - Ông: Nguyễn Văn Đông, Chủ tịch HĐQT | tỷ lệ sở hữu: 0,0% |
| - Ông: Phạm Mạnh Ninh, Ủy viên HĐQT | tỷ lệ sở hữu: 10,0% |
| - Ông: Phạm Hồng Sơn, Ủy viên HĐQT | tỷ lệ sở hữu: 1,28% |
| - Ông: Nguyễn Ngọc Thạch, Ủy viên HĐQT | tỷ lệ sở hữu: 0,21% |
| - Ông: Hà Huy San, Ủy viên HĐQT | tỷ lệ sở hữu: 0,44% |

5.1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

5.1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2018, HĐQT Công ty đã tiến hành triển khai thực hiện với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định; quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty theo đúng Pháp luật, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua; xác định được các vấn đề trọng tâm hoạt động của Công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kế hoạch hoạt động cho phù hợp.

Trong năm HĐQT Công ty đã tiến hành họp các phiên họp định kỳ thường niên hàng quý và ban hành các Nghị quyết thông qua các nội dung để quản lý, chỉ đạo hoạt động của Công ty.

- Nghị quyết số 496/NQ-HĐQT ngày 12/4/2018 về việc đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của HĐQT Công ty quý I/2018, nhiệm vụ của HĐQT Công ty quý II/2018, những giải pháp thực hiện điều hành sản xuất. Thông qua các nội dung báo cáo trình trước Đại hội và công tác chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2018.

- Nghị quyết số 1116/NQ-HĐQT ngày 24/7/2018 về việc đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của HĐQT quý II và 6 tháng đầu năm 2018, nhiệm vụ của HĐQT Công ty quý III/2018, các giải pháp thực hiện nhiệm vụ.

- Nghị quyết số 2077/NQ-HĐQT ngày 26/10/2018 của HĐQT về việc đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của HĐQT Công ty quý III và 9 tháng đầu năm 2018, nhiệm vụ của HĐQT Công ty quý IV/2018, các giải pháp tổ chức thực hiện.

- Nghị quyết số 78/NQ-HĐQT ngày 15/01/2019 của HĐQT về việc đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của HĐQT Công ty quý IV/2018 và cả năm 2018, nhiệm vụ của HĐQT Công ty quý I/2019, các giải pháp thực hiện.

Ngoài ra trong năm 2018, HĐQT Công ty đã có các phiên họp bất thường để giải quyết các công việc phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các nội dung khác: HĐQT đã thực hiện tốt việc cung cấp các tài liệu, thông tin cho Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát HĐQT, Ban điều hành Công ty trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp.

5.1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành:

- Thực hiện chức năng của thành viên Hội đồng quản trị, tham gia công tác quản trị Công ty theo điều lệ, quy chế tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị và quy định hiện hành của pháp luật.

- Tham gia nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Xây dựng chiến lược về phát triển công nghệ sản xuất các sản phẩm mới.

- Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Phụ trách công tác bảo vệ lao động, an toàn, PCCN, VSLĐ môi trường.

- Phụ trách công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nhãn hiệu hàng hóa.

- Xây dựng quy chế quản lý, quy định nội bộ về lĩnh vực công nghệ sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Thực hiện các công việc khác do Hội đồng quản trị phân công.

5.1.5. Hoạt động của Tiểu ban Hội đồng quản trị: Không có tiểu ban.

5.1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia các chương trình về quản trị Công ty, có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

- | | |
|-------------------------|--------------------|
| - Ông Nguyễn Văn Đông | - Chủ tịch HĐQT. |
| - Ông Phạm Mạnh Ninh | - Thành viên HĐQT. |
| - Ông Phạm Hồng Sơn | - Thành viên HĐQT. |
| - Ông Nguyễn Ngọc Thạch | - Thành viên HĐQT. |
| - Ông Hà Huy Sơn | - Thành viên HĐQT. |

5.2. Ban Kiểm soát:

5.2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Danh sách ban kiểm soát và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

- | | | |
|-----------------------|-----------------------------|-------|
| - Bà: Hoàng Thị Tiệp | - Trưởng ban, tỷ lệ sở hữu: | 0% |
| - Ông: Vi Hoàng Sơn | - Thành viên, tỷ lệ sở hữu: | 0% |
| - Bà: Tạ Thị Kim Chúc | - Thành viên, tỷ lệ sở hữu: | 0,21% |

5.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2018, Ban kiểm soát đã duy trì nhiệm vụ kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ tài liệu, chứng từ và tham dự các

cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty. Tại các cuộc họp, Ban kiểm soát đã có ý kiến trực tiếp với HĐQT, Ban điều hành về các chủ trương, kế hoạch, thực hiện sản xuất kinh doanh, tài chính và công bố thông tin theo các quy định cụ thể:

- Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư XD CB, kế hoạch lao động tiền lương.

- Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

- Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện kế hoạch niêm yết cổ phiếu theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Kiểm soát việc công bố thông tin theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các quy định của Pháp luật.

- Kiểm soát báo cáo tài chính của Công ty, xem xét tính minh bạch của quá trình luân chuyển chứng từ.

- Kiểm tra, giám sát các thủ tục, trình tự trong công tác tổ chức ĐII DCD thường niên theo đúng quy định của Pháp luật và điều lệ của Công ty.

- Ban kiểm soát đã tổ chức họp và thực hiện theo nhiệm vụ kiểm soát theo quy định.

5.3. Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

5.3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: phụ lục số 1 kèm theo

5.3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

5.3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm 2018, căn cứ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Phân lân Ninh Bình, Hội đồng quản trị đã thông qua việc Công ty ký hợp đồng mua Quảng Secpentin và hợp đồng Vận chuyển với Công ty TNHH Hoàng Ngân do Ông Nguyễn Ngọc Thạch - Thành viên HĐQT của Công ty làm giám đốc, tổng giá trị hợp đồng ký < 20% tổng tài sản Công ty tại báo cáo kiểm toán gần nhất.

5.3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Năm 2018, Công ty đã thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

VI - BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

6.1. Ý kiến kiểm toán viên:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Phân lân Ninh Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù

hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

6.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán gửi kèm bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản tuyên minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website công ty;
- Lưu TCKT.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC



Phạm Mạnh Ninh

Phụ lục 01



TỔNG HỢP PHỤ CẤP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Năm 2018

Họ tên	Phụ cấp HĐQT (đồng)
1. Hội đồng quản trị	
Lê Văn Cường	28.000.000
Nguyễn Văn Đông	48.000.000
Phạm Mạnh Ninh	64.000.000
Phạm Hồng Sơn	64.000.000
Hà Huy San	64.000.000
Phạm Ngọc Thạch	64.000.000
2. Ban Kiểm soát	
Nguyễn Thị Xuân Quyên	16.000.000
Vì Hoàng Sơn	32.000.000
Tạ Thị Kim Chúc	48.000.000
Tổng cộng	428.000.000

Ngày 14 tháng 3 năm 2019

Người lập

Hoàng Mỹ Hạnh



TỔNG HỢP TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Năm 2018

Họ tên	Tiền lương	Tiền thưởng	Tổng thu nhập
1. Ban Giám đốc			
Phạm Mạnh Ninh	347.796.000	32.500.000	380.296.000
Phạm Hồng Sơn	282.119.000	29.250.000	311.369.000
Nguyễn Ngọc Chi	295.253.000	29.250.000	324.503.000
Dương Như Đức	308.172.000	29.250.000	337.422.000
2. Ban Kiểm soát			
Hoàng Thị Tiệp	123.607.000	10.000.000	133.607.000
Tạ Thị Kim Chúc	65.005.750	6.500.000	71.505.750
Nguyễn Thị Xuân Quyên		6.500.000	6.500.000
Vi Hoàng Sơn		3.500.000	3.500.000
Tổng cộng	1.421.952.750	146.750.000	1.568.702.750

Ngày 14 tháng 3 năm 2019

Người lập

Hoàng Mỹ Hanh